

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án: 94/2019/HS-ST

Ngày: 26 / 9 /2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Võ Ngọc Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Văn Hạnh**

Bà Lê Thị Hồng Trang

Thư ký phiên tòa: **Ông Phạm Nhật Minh**-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: **Ông Ngô Trung Hiếu** – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 99/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo: **Hồ Thanh T**, sinh năm: 1984, tại Tiền Giang. Nơi cư trú: tổ 11, ấp P, xã T, TP.M, Tiền Giang; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn N (chết năm 2002) và bà Ngô Thị Kim H; có vợ là Lê Thị Q và 02 con (lớn 06 tuổi, nhỏ 3 tuổi); tiền án: không; tiền sự: ngày 22/9/2017 T bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 13/01/2019; bị tạm giữ ngày 11/3/2019, tạm giam ngày 14/3/2019.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

Trần Thị V, sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: 747, tổ 11, ấp P, xã T, TP.M, Tiền Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ **Nguyễn Xuân V**, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: 214, ấp B, xã S, huyện C, Tiền Giang.

2/ **Nguyễn Khắc B**, sinh năm: 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 11, ấp P, xã T, TP.M, Tiền Giang.

3/ **Cao Minh S**, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 7, ấp T, xã T, TP.M, Tiền Giang.

*** Người làm chứng:**

1/ **Phan Thị Ngọc M**, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 10, ấp P, xã T, TP.M, Tiền Giang.

2/ **Phạm Văn D**, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: 747, tổ 11, ấp P, xã T, TP.M, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 18 giờ ngày 25/02/2019, T điều khiển xe mô tô biển số 63B9-845.60 và đem theo 01 con dao đến nhà chị V ngụ số 747, tổ 11, ấp P, xã T, thành phố M. Tại đây, Tyêu cầu chị V cho mượn 1.000.000 đồng, chị V nói không có tiền nên T đưa điện thoại di động của T cho chị V kêu đem đi cầm dùm giá 1.000.000 đồng. Sau đó chị V đưa điện thoại của T cho chị M đem đi cầm, về đưa tiền cho T. T đồng ý trả lại tiền, yêu cầu chị V chuộc điện thoại đưa lại. Chị V nhờ chị Mai đến gặp anh B chuộc điện thoại đưa cho T.

Sau đó, T yêu cầu chị V phải đưa cho T mượn 1.000.000 đồng, chị V nói không có tiền nên T lấy con dao trong túi quần ra, tay phải cầm dao kê vào cổ chị V, tay trái nắm vai chị V buộc chị V phải đưa cho T 1.000.000 đồng và đe dọa sẽ đâm nếu chị V không đưa tiền cho T. Do hoảng sợ vì bị T cầm dao uy hiếp nên chị V kêu chị M qua nhà anh B mượn 1.000.000 đồng đưa cho chị V để chị V giao cho T. Sau đó, T đem dao về nhà cất giấu và tiêu xài hết số tiền chiếm đoạt. Ngày 26/02/2019, T sử dụng điện thoại của T nhắn tin đe dọa chị V. Ngày 27/02/2019, T nhờ anh S trả lại cho chị V 1.000.000 đồng. Đến ngày 11/3/2019, T bị bắt.

Trong quá trình điều tra, T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án thu giữ: - 01 điện thoại di động hiệu JE màu vàng đen số IMEI₁: 357202080206445 và số MEI₂: 357202080206452; 01 sim điện thoại số 0907.311219; 01 sim điện thoại số 0945.131054.

- 01 xe mô tô hiệu LONCIN màu nâu, số máy OIMG 01439680, số khung G003YV400398, biển số 63B9-845.60; đã qua sử dụng, xe không nổ máy, không kính chiếu hậu bên phải, không ốp bửng trước.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 058613 đối với xe mô tô 63B9-845.60.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 311758500 tên Hồ Thanh Tấn.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 107/CT-VKS-HS ngày 15/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho đã truy tố Hồ Thanh T về tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 2 Điều 168 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Hồ Thanh T phạm tội “cướp tài sản”.

Áp dụng Điều 17; Điều 38; điểm d Khoản 2 Điều 168; điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51.

Xử phạt bị cáo từ 7 đến 8 năm tù.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo:

- 01 xe mô tô hiệu LONCIN màu nâu, số máy OIMG 01439680, số khung G003YV400398, biển số 63B9-845.60.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 058613 đối với xe mô tô 63B9-845.60.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 311758500 tên Hồ Thanh Tấn. Khi bị cáo chấp hành án xong.

- 01 sim điện thoại số 0907.311219

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu JE màu vàng đen số IMEI₁: 357202080206445 và số MEI₂: 357202080206452; 01 sim điện thoại số 0945.131054.

Riêng đối với con dao, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, thành khẩn khai báo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố Mỹ Tho, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại hay có ý kiến gì về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: ngày 25/02/2019, T điều khiển xe mô tô và đem theo 01 con dao đến nhà chị V. Tại đây, T yêu cầu chị V cho mượn 1.000.000 đồng, chị V nói không có tiền nên T đưa điện thoại di động của T cho chị V kêu đem đi cầm dùm giá 1.000.000 đồng. Sau đó chị V đưa điện thoại của T cho chị M đem đi cầm, về đưa tiền cho T. T đồng ý trả lại tiền, yêu cầu chị V chuộc điện thoại đưa lại. Chị V nhờ chị M đến gặp anh B chuộc điện thoại đưa cho T.

Sau đó, T yêu cầu chị V phải đưa cho T mượn 1.000.000 đồng, chị V nói không có tiền nên T lấy con dao trong túi quần ra, tay phải cầm dao kề vào cổ chị V, tay trái nắm vai chị V buộc chị V phải đưa cho T mượn 1.000.000 đồng và đe dọa sẽ đâm nếu chị V không đưa tiền cho T. Do hoảng sợ nên chị V kêu

chị M qua nhà anh B mượn 1.000.000 đồng đưa cho chị V để chị V giao cho T. Sau đó, T đem dao về nhà cất giấu và tiêu xài hết số tiền chiếm đoạt của chị V.

Như nội dung bản cáo trạng số 107/CT-VKS-HS ngày 15/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Lời khai nhận tội của bị cáo T phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm kè vào cổ để chiếm đoạt tài sản mà bị cáo đã thực hiện là hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho bị hại sợ và tin rằng nếu không đưa tiền thì sẽ nguy hại đến tính mạng. Từ đó, cáo trạng của Viện Kiểm Sát truy tố bị cáo T về tội “cướp tài sản” theo quy định điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, tác động xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương. Về mặt chủ quan, các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện để có tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội do vậy cần phải xử lý nghiêm hành vi này bằng chế tài hình sự, đồng thời cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục trở thành người công dân tốt và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, bị cáo không có tiền án, có 01 tiền sự, có ý thức thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, bị cáo đã trả lại tài sản cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Xét thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 và có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, bị cáo đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, là xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[3] Xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 sim điện thoại số 0907.311219 không liên quan đến vụ án nên trao trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động; 01 sim điện thoại số 0945.131054 là phương tiện phạm tội nên tịch thu, sung quỹ.

- 01 giấy chứng minh nhân dân thì giao cho cơ quan thi hành án phạt tù quản lý, đến khi nào bị cáo chấp hành xong thì trao trả lại.

Riêng đối với con dao, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

[4] Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Thanh T phạm tội: “cướp tài sản”.

1/ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Thanh T 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 11/3/2019.

2/ Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu JE màu vàng đen số IMEI₁: 357202080206445 và số MEI₂ 357202080206452;

- 01 sim điện thoại số 0945.131054.

Trả lại cho bị cáo:

- 01 sim điện thoại số 0907.311219

- 01 xe mô tô hiệu LONCIN màu nâu, số máy OIMG 01439680, số khung G003YV400398, biển số 63B9-845.60.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 058613 đối với xe mô tô 63B9-845.60 tên chủ xe Nguyễn Xuân Vinh.

Giao cho cơ quan thi hành án hình sự 01 giấy chứng minh nhân dân số 311758500 tên Hồ Thanh T quản lý. Khi nào bị cáo chấp hành án xong thì trao trả lại.

(Các vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/8/2019)

3/ Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu bồi thường.

4/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, nộp, giảm và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Bị cáo T, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TG;
- VKSND TP.Mỹ Tho;
- Cơ quan cảnh sát điều tra-CA TP.MT;
- Chi cục THA DS;
- Trại giam;
- Bị cáo, bị hại; người liên quan.
- Lưu.

Võ Ngọc Hiếu

